TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 112/2024/DS-PT
Ngày: 19-03-2024
"Tranh chấp dân sự hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Võ Trinh;

Các Thẩm phán: Nguyễn Thị Vĩnh;

Ông Huỳnh Thanh Mỹ;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mộng Tuyền- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Ông Phan Trung Quốc- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 19 tháng 03 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 451/2023/TLPT-DS, ngày 30 tháng 11 năm 2023, về việc "*Tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản*".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 117/2023/DS-ST ngày 17 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân Huyện C bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 46/2024/QĐ-PT, ngày 15 tháng 01 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 77/2024/QĐ-PT ngày 02/02/2024, giữa:

- *Nguyên đơn*: Bà Mai Thị N (Bà B), sinh năm 1983
  Địa chỉ: ấp H, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp
- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1971
  Địa chỉ: ấp T, xã N, huyện C, Đồng Tháp.
- *Người kháng cáo*: Ông Nguyễn Văn Đ là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Mai Thị N trình bày:*

Do có mối quan hệ quen biết, bà N biết ông Đ là người làm tự do, thường xuyên cho vay tiền đáo nợ ngân hàng, môi giới mua bán bất động sản, và dịch vụ làm thủ tục giấy tờ bên ngoài nên vào ngày 02/4/2023 bà N cho Ông Nguyễn Văn Đ vay số tiền 150.000.000 đồng, mục đích vay để đáo nợ ngân hàng, hẹn 30 ngày trả và có viết biên nhận. Khi nhận tiền vay, ông Đ hứa 30 ngày sau sẽ trả khoản vay trên cho bà N nhưng đến nay chưa trả. Nhiều lần bà N liên hệ yêu cầu ông Đ trả số tiền trên nhưng ông Đ hứa lần này đến lần khác nhưng không thực hiện việc trả số

tiền đã vay cho bà N. Nay bà N yêu cầu Ông Nguyễn Văn Đ trả số tiền 150.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 02/5/2023 cho đến khi giải quyết xong vụ án.

Tuy nhiên, tại phiên tòa bà N xin thay đổi yêu cầu khởi kiện đối với phần lãi, bà N không yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền 150.000.000 đồng. Bà N yêu cầu Ông Nguyễn Văn Đ trả số tiền 150.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

Đối với, số tiền 100.000.000 đồng theo biên nhận mượn tiền ngày 02/12/2022 ông Đ xuất trình bản chính biên nhận mượn tiền tại phiên tòa thì đây là khoản vay mà ông Đ đã vay trước đây, ông Đ đã trả xong và bà N đã giao lại bản chính biên nhận mượn tiền cho ông Đ. Ngoài ra, bà N không yêu cầu hay trình bày gì thêm.

** Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa bị đơn Ông Nguyễn Văn Đ trình bày:*

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà N yêu cầu ông trả số tiền 150.000.000 đồng thì ông Đ không đồng ý. Ông Đ thừa nhận trước đây ông có vay của bà Mai Thị Nsố tiền 100.000.000 đồng vào ngày 02/12/2022, thời hạn vay là 30 ngày, lãi suất thỏa thuận bên ngoài nhưng không nhớ chính xác là thỏa thuận cụ thể là bao nhiêu, chỉ nhớ là độ khoảng từ 5.000 đồng đến 7.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày, nhưng đến nay ông Đ chưa trả cho bà N số tiền vay theo biên nhận ngày 02/12/2022, hiện nay ông Đ còn thiếu bà N số tiền vay 100.000.000 đồng. Từ khi nhận số tiền 100.000.000 đồng vay vào ngày 02/12/2022 đến nay thì ông Đ đã đóng lãi một lần cho bà N với số tiền khoảng 4.700.000 đồng (Bốn triệu bảy trăm nghìn đồng), nhưng ông Đ không nhớ đóng tiền lãi cho bà N vào ngày nào, ông Đ cũng không có tài liệu chứng cứ gì để chứng minh cho việc ông Đ đóng tiền lãi cho bà N.

Đối với số tiền 150.000.000 đồng theo biên nhận ngày 02/4/2023 mà bà N đang yêu cầu ông Đ trả thì ông Đ thừa nhận chính bản thân ông Đ có ký tên và ghi họ tên vào biên nhận ngày 02/4/2023 nhưng không có nhận tiền vay của bà N. Ông Đ khẳng định thời điểm ký tên vào biên nhận mượn tiền tại quán cà phê Thiên Sứ vào ngày 02/4/2023 thì ông hoàn toàn minh mẫn, không bị ai ép buộc và lừa dối, nhưng do bản thân ông sơ suất, không quan tâm đến việc bà N chưa ghi rõ nội dung của biên nhận mà ông Đ lại đồng ý ký tên vì tin tưởng bà N xác nhận nợ. Số tiền 150.000.000 đồng mà bà N yêu cầu ông trả thì trong đó có số tiền vay 100.000.000 đồng theo biên nhận ngày 02/12/2022 mà ông Đ chưa trả cho bà N, còn 50.000.000 đồng ông Đ cho là tiền lãi. Ông Đ vay tiền của bà N mục đích không phải để đáo nợ ngân hàng mà thực tế ông Đ hùn vốn làm ăn với người khác. Đối với việc hùn vốn làm ăn của ông Đ với người khác ông Đ không yêu cầu giải quyết trong vụ án này. Khi cần ông Đ sẽ khởi kiện yêu cầu giải quyết bằng một vụ kiện khác.

Nay ông Đ đồng ý trả cho bà N số tiền 100.000.000 đồng và tiền lãi với mức lãi suất theo pháp luật quy định. Ông Đ không đồng ý trả số tiền 150.000.000 đồng theo yêu cầu của bà N; ông Đ cũng không yêu cầu gì đối với số tiền lãi khoảng 4.700.000 đồng (Bốn triệu bảy trăm nghìn đồng) đã đóng cho bà N. Ông Đ thừa nhận chữ ký và chữ viết góc phía dưới bên phải chỗ người

mượn tiền là do ông Đ ký tên và ghi họ tên, ông Đ không yêu cầu giám định chữ ký chữ viết trong biên nhận mượn tiền ngày 02/12/2022 và biên nhận mượn tiền ngày 02/4/2023. Ngoài ra, ông Đ không trình bày hay yêu cầu gì thêm.

**** Tòa án cấp sơ thẩm tuyên:***

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thị N.

- Buộc Ông Nguyễn Văn Đ trả cho bà Mai Thị Nsố tiền 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền yêu cầu thi hành án, án phí và tuyên về quyền kháng cáo của các bên đương sự.

* Sau khi xét xử sơ thẩm: Ông Đ kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N về việc yêu cầu ông trả số tiền vay là 150.000.000đ.

**** Tại phiên tòa phúc thẩm:***

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, thống nhất với quyết định của bản án sơ thẩm.

- Bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo;

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Tỉnh phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn là ông Đ; giữ nguyên quyết định bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thị Nvề việc yêu cầu Ông Nguyễn Văn Đ trả số tiền vay nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là *"Tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản"* phù hợp với quy định tại điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ông Đ không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm nên có kháng cáo, Tòa án tỉnh thụ lý giải quyết theo trình tự phúc thẩm, phù hợp với quy định tại điều 38 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu kháng cáo của ông Đ, hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

Biên nhận mượn tiền được lập vào ngày 02/4/2023 với số tiền vay là 150.000.000đ do bà N cung cấp được ông Đ thừa nhận do ông ký và viết tên; Vì vậy, việc yêu cầu khởi kiện của bà N là có căn cứ.

Bà Mai Thị Nyêu cầu Ông Nguyễn Văn Đ trả số tiền vay 150.000.000 đồng. Tại phiên tòa, Ông Nguyễn Văn Đ thừa nhận chỉ có vay tiền của bà Mai Thị N, số tiền vốn vay là 100.000.000 đồng (theo biên nhận ngày 02/12/2022) và hiện nay ông Đ chưa trả cho bà N, ông Đ không đồng ý đối với khoản vay số tiền 150.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, mặc dù ông Đ không thừa nhận có nợ số tiền 150.000.000đ, nhưng chữ ký, chữ viết trên biên nhận này thì ông Đ thừa nhận do ông ký và viết ra. Vì vậy việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N là có căn cứ.

Còn ông Đ kháng cáo nhưng ông không có chứng cứ gì để chứng minh cho lời trình bày của mình nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Đ, giữ nguyên quyết định bản án sơ thẩm.

Do không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Đ nên ông Đ phải chịu tiền án phí phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện Kiểm Sát trình bày và đề nghị: Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Đ, giữ nguyên quyết định bản án sơ thẩm. Xét lời trình bày và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là hoàn toàn phù hợp.

Các nội dung còn lại của bản án không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 điều 26, khoản 1 Điều 38, Điều 147, Điều 148, khoản 1 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 48- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

1. Không chấp nhận yêu yêu cầu kháng cáo của Ông Nguyễn Văn Đ;

2. Giữ nguyên quyết định bản án dân sự sơ thẩm số 117/2023/DS-ST ngày 17/8/2023 của Tòa án nhân dân Huyện C.

*** Tuyên xử:**

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Mai Thị N (Bà B).

- Buộc Ông Nguyễn Văn Đ trả cho Bà Mai Thị N (Bà B) số tiền 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng).

- Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Ông Nguyễn Văn Đ phải chịu 7.500.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

+ Bà Mai Thị Nđược nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.750.000 đồng theo biên lai số 0000832 ngày 22 tháng 5 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

3. Về án phí phúc thẩm:

Ông Đ phải chịu 300.000đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0004359 ngày 05/9/2023 của chi Cục Thi hành án dân sự huyện C.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận*:**
- Phòng GĐ-KT TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- TAND H. C;
- Chi cục THADS H. C;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Võ Trinh